TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2017
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Ông Trần Ngọc Đổi

2-Bà Phạm Thị Bích Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Thông-Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017, về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Hà Thị Mỹ T, sinh năm 1993 (có mặt)
- *Bị đơn:* anh Nguyễn Châu A, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn HT, xã HP, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn-chị Hà Thị Mỹ T trình bày: Sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, được sự chấp thuận của hai bên gia đình, chị và anh Nguyễn Châu A cưới nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã HP vào ngày 17/12/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung tên Nguyễn Hà Hữu C (sinh ngày 03/01/2015), nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ tháng 8/2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, anh A không chăm lo cho gia đình,

không quan tâm chăm sóc vợ con. Vì vậy, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Châu A.

- Về con chung: yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Nguyễn Châu A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn-anh Nguyễn Châu A, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh A cố tình không đến, nên Tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Mỹ T đối với anh Nguyễn Châu A.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Hà Hữu C (sinh ngày 03/01/2015) cho chị Hà Thị Mỹ T nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Châu A cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét ý kiến của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]-Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Châu A đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và tiến hành các thủ tục tố tụng khác, nhưng anh A không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy lời khai cũng như không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Châu A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]-Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, chị Hà Thị Mỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Châu A; Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, được sự chấp thuận của hai bên gia đình, chị Hà Thị Mỹ T và anh Nguyễn Châu A cưới nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã HP vào ngày 17/12/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung tên Nguyễn Hà Hữu C (sinh ngày 03/01/2015), nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ tháng 8/2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, anh A không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặt khác, quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Châu A không đến Tòa án để làm việc, điều này chứng tỏ anh A thiếu thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình, không còn tha thiết với cuộc sống hôn nhân với chị Hà Thị Mỹ T. Do đó, xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Mỹ T, như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều này cũng phù hợp với đa số ý kiến của chính quyền địa phương thể hiện tại buổi làm việc ngày 02/8/2017.

Về con chung: Chị Hà Thị Mỹ T yêu cầu được nuôi con. Đối với yêu cầu này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi vợ chồng chị T, anh A sống ly thân đến nay, chị T là người nuôi con, vẫn đảm bảo cho con có cuộc sống phát triển bình thường về thể chất cũng như về mặt tinh thần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị Hà Thị Mỹ T yêu cầu anh Nguyễn Châu A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị T thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, chỉ yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng. Xét mức cấp dưỡng này là phù hợp và anh A đủ khả năng thi hành án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]-Về án phí:

- Chị Hà Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm *(đối với yêu cầu ly hôn)* theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân năm 2015.

- Anh Nguyễn Châu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm *(đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con)* theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

1-Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Mỹ T đối với anh Nguyễn Châu A.

2-Về con chung: Giao con Nguyễn Hà Hữu C (sinh ngày 03/01/2015) cho chị Hà Thị Mỹ T nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Châu A cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Châu A được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3-Về án phí:

- Chị Hà Thị Mỹ T phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm *(đối với yêu cầu ly hôn)*, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009347 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị Hà Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Châu A phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm *(đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con)*.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2017); Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện B.Bình;
-THADS huyện B.Bình;
-Đương sự;
-Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái